# Ghi chú

# để ghi chú 1 dòng

“““

Để ghi chú 1 đoạn

”””

# Bố cục trong tập tin python

Không cần dấu ; cuối câu lệnh.

Trong python, tổ chức mã dựa trên THỤT LỀ, trái ngược với nhiều ngôn ngữ lập trình khác.

Chúng ta không thể sử dụng khoảng trắng 1 cách tự do (ngoài các dòng trống).

Các khối mã được tạo bằng cách sử dụng mức thụt lề chứ không phải dấu ngoặc nhọn {}.

Tips: Sử dụng Tab để thụt lề sang phải, và Shift + Tab để thụt lề sang trái.

# Cách lưu trữ

Có định dạng .py

# Cách xuất dữ liệu bằng câu lệnh print trong lập trình python

Cú pháp: print(object(s), sep=separator, end=end, file=file, flush=flush)

* Objects: đối tượng, dữ liệu được xuất
* Sep: ngăn cách
* End: kết thúc
* File: tên tập tin
* Flush: đẩy dữ liệu

# Cách nhập dữ liệu

Cú pháp: input(prompt)

* Prompt: chuỗi thông báo

# Biến, hằng số và từ khóa trong python

**BIẾN**

Một biến là một vị trí được đặt tên, nó được sử dụng để lưu trữ dữ liệu trong bộ nhớ. Giá trị của nó có thể thay đổi khi thực chạy chương trình.

Ví dụ: x=5

Dòng trên, chúng ta tạo ra 1 biến x có giá trị bằng 5

Ví dụ: y=10 #ban đầu y có giá trọ bằng 10

y=15 #y được thay đổi giá trị thành 15

Ví dụ: x,y,z = 1,2, “Xin chào” #gán giá trị cho nhiều biến

**HẰNG SỐ**

Hằng số là 1 loại biến có giá trị không thể thay đổi.

Trong python không thực sự có hằng số.

Hằng số thường được khai báo và gán trong một mô đun và người dùng hạn chế không thay đổi giá trị của nó. Ở đây, mô đun là một tệp mới chứa các biến, hàm, v.v. được nhập vào tệp chính. Bên trong mô đun, các hằng số được viết bằng tất cả các chữ cái in hoa và dấu gạch dưới chân ngăn cách các từ.

Ví dụ: PI =3,14

Ví dụ: import math

print(math.pi)

**CÁCH ĐẶT TÊN BIẾN VÀ HẰNG SỐ**

Chúng ta có thể sử dụng các chữ cái (a-z, A-Z), các con số (0-9), dấu gạch dưới \_ để đặt tên cho các biến và hằng số.

Ví dụ: content = “Lập trình python”

Tên biến nên có ý nghĩa và phù hợp với nội dung cần chứa

Nếu tên biến có nhiều từ hãy sử dụng dấu \_ để ngăn cách hoặc viết hoa các chữ cái của từng từ

Sử dụng chữ cái viết hoa (toàn bộ) để khai báo các hằng số

Không được bắt đầu bằng 1 chữ số (chương trình sẽ gặp lỗi)

Không sử dụng từ khóa làm tên biến

**CÁC TỪ KHÓA**

**A screen shot of a computer

Description automatically generated**

# Kiểu dữ liệu cơ bản

- Các kiểu dữ liệu cơ bản trong Python

Python là một ngôn ngữ thông dịch (không yêu cầu biên dịch), được đặc trưng bởi hệ thống kiểu động – bạn không bắt buộc phải khai báo kiểu của biến. Trình thông dịch tự đoán kiểu dữ liệu.

A white sheet with black text

Description automatically generated

- Ưu nhược điểm của kiểu dữ liệu động

Hệ thống kiểu dữ liệu động có cả 2 ưu điểm:

* Viết mã nhanh hơn
* Ít mã hơn

Và nhược điểm:

* Thời gian chạy lâu hơn
* Khả năng xảy ra lỗi khó gỡ lỗi

Python cho phép thay đổi kiểu dữ liệu của biến.

- Cách kiểm tra dữ liệu của biến

Sử dụng câu lệnh: type(tên\_biến)

- Ép kiểu (chuyển đổi kiểu dữ liệu) dữ liệu cơ bản

Quá trình chuyển đổi giá trị của một kiểu dữ liệu (số nguyên, chuỗi, số float, v.v.) sang kiểu dữ liệu khác được gọi là ép kiểu. Python có 2 kiểu chuyển đổi kiểu.

- Chuyển đổi kiểu ngầm định: Python tự động chuyển đổi một kiểu dữ liệu này sang kiểu dữ liệu khác. Quá trình này không cần bất kỳ sự tham gia nào của người dùng.

Ví dụ:

a = 5

b = 2.0

c = a/b

print(‘Kiểu dữ liệu của a:’ , type(a))

print(‘Kiểu dữ liệu của b:’ , type(b))

print(‘Kiểu dữ liệu của c:’ , type(c))

Chúng ta có thể thấy c có kiểu dữ liệu float vì Python luôn chuyển đổi kiểu dữ liệu nhỏ hơn sang kiểu dữ liệu lớn hơn để tránh mất dữ liệu.

- Chuyển đổi kiểu rõ ràng: do chúng ta thực hiện gõ lệnh chuyển đổi kiểu của một đối tượng thành kiểu dữ liệu bắt buộc. Chúng tôi sử dụng các hàm có sẵn int(), float(), str(), v.v. để thực hiện chuyển đổi

Cú pháp: ten\_kieu\_du\_lieu(biến)

# Các phép toán số học cơ bản trong lập trình Python

A white rectangular grid with black text

Description automatically generated with medium confidence 

# Toán tử trong Python

- So sánh

A screenshot of a computer

Description automatically generated

- Logic

A screenshot of a phone

Description automatically generated

- Toán tử gán

A screenshot of a math test

Description automatically generated A screenshot of a math test

Description automatically generated

- Toán tử bit

Toán tử bit hoạt động trên các toán hạng các chữ số nhị phân

A screenshot of a computer

Description automatically generated

- Toán tử đặc biệt

A screenshot of a phone

Description automatically generated

- Toán tử điều kiện (toán tử 3 ngôi)

[trả về khi dk đúng] if [điều kiện] else [trả về khi dk sai]

# Giới thiệu thư viện toán học math trong lập trình Python

- Một số hàm quan trọng

math.ceil(x): Trả về giá trị trần của x, số nguyên nhỏ nhất lớn hơn hoặc bằng x.

math.fabs(x): trả về giá trị tuyệt đối của x.

math.floor(x): trả về sàn của x, số nguyên lớn nhất nhỏ hơn hoặc bằng x.

math.exp(x): trả về e lũy thừa x, trong đó e = 2,718281… là có số của logarit tự nhiên.

math.log(x , base): với 1 đối số thì trả về logarit tư nhiên của x (cơ số e).

math.pow(x,y): trả về lũy thừa y.

- Một số giá trị constants

math.pi

math.e

# Câu lệnh rẽ nhánh if .. else trong Python

Câu lệnh if .. else là câu lệnh ra quyết định thực hiện một đoạn mã khi điều kiện đúng sai

A diagram of a flowchart

Description automatically generated

A diagram of a flowchart

Description automatically generated

A white background with green and blue text

Description automatically generatedA diagram of a flowchart

Description automatically generated

# Kiểu dữ liệu list trong Python

List (Danh sách): là 1 chuỗi các mục có thứ tự. Nó là 1 trong những kiểu dữ liệu được sử dụng nhiều nhất trong Python và rất linh hoạt. Tất cả các mục trong list không cần phải cùng loại.

Khai báo một danh sách khá đơn giản. Các mục được phân tách bằng dấu phẩy được đặt trong dấu ngoặc [].

# Vòng lặp for trong Python

# Vòng lặp while trong Python

Được sử dụng để lặp một khối mã khi biểu thức kiểm tra (điều kiện) còn đúng. Chúng ta thường sử dụng vòng lặp này khi chúng ta không biết trước số lần lặp lại.

A diagram of a test expression

Description automatically generated

A close-up of a sign

Description automatically generated

Vòng lặp while với else: Tương tự vòng lặp for, vòng lặp while cũng có thể có 1 câu lệnh else. Phần else được thực thi nếu điều kiện trong vòng lặp while được đánh giá là False. Vòng lặp while có thể được kết thúc bằng câu lệnh break. Trong những trường hợp này, phần else bị bỏ qua. Do đó, một phần else của vòng lặp while sẽ chạy nếu không có câu lệnh break nào xảy ra khi điều kiện là sai.

# Cách sử dụng break và continue trong vòng lặp

Câu lệnh ngắt break Python: câu lệnh ngắt break kết thúc vòng lặp chứa nó. Điều khiển chương trình chuyển đến câu lệnh ngay sau phần thần của vòng lặp.

Nếu câu lệnh break nằm trong một vòng lặp lồng nhau, câu lệnh break sẽ kết thúc vòng lặp trong cùng.

A computer code with black text

Description automatically generated with medium confidence

Câu lệnh continue Python: được sử dụng để bỏ qua phần còn lại bền trong vòng lặp của lần lặp lại hiện tại. Vòng lặp không kết thúc nhưng tiếp tục với lần lặp tiếp theo

A screenshot of a computer code

Description automatically generated